

NHỮNG QUAN NIỆM NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH VĂN CHƯƠNG CỔ CỦA THIỆU TRỊ

ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG – HCM

Vượt lên trên các ông hoàng yêu văn chương khác không chỉ ở số lượng tác phẩm, đỉnh cao về nghệ thuật, Thiệu Trị còn là một nhà phê bình, nhà nghiên cứu văn học uyên thâm, một người có tri thức, hiểu biết văn học Đông Tây kim cổ sâu rộng với nhiều thể loại từ thơ đến văn, từ Kinh Dịch đến lịch sử, từ văn chương trong nước đến văn chương nước ngoài, từ văn học cổ đến trung, từ thể thuyết liên đến thể đảo ngược... Thiệu Trị là ông vua có nhiều quan tâm đến việc nghiên cứu, phê bình nhận xét văn học cổ. Tuy nhiên, khi nhắc đến tên Thiệu Trị người đời biết đến ông với tư cách là một vị vua nhiều hơn là một học giả nghiên cứu, phê bình. Cùng tìm hiểu những quan niệm phê bình văn chương của Thiệu Trị là trách nhiệm của giới hậu sinh, của những người yêu văn chương mong muốn được bảo tồn những giá trị của Huế nói riêng và của dân tộc nói chung và hiểu hơn về ông vua nặng nợ với văn chương này.

1. Nghiên cứu những giá trị kinh điển đến cùng để dùng vào việc đời

Thiệu Trị đã từng nói với quần thần, ta làm thơ là để tỏ cái ý của mình, vốn không có ý tìm tòi, làm cho đẹp dễ để cùng bọn nghệ sĩ văn nhân đua hơn kém. Thế nhưng sức sáng tác của người lại khiến cho giới hậu sinh không khỏi kính phục. Ngoài thời gian chăm lo chính sự, sáng tác và hoạ vãn cùng với quần thần, vua lại “vùi đầu vào văn chương sách vở, xem các sách cổ kim, tuy ở trong chốn cung cấm”, “dù lúc mặt trời đã xế bóng, hay ban đêm”, “tay cũng chưa từng bỏ quyển sách”¹. Chính sự chăm chỉ, ham học hỏi, tìm tòi đó đã giúp cho Thiệu Trị tích lũy được vốn văn hoá sâu rộng.

Thiệu Trị thường khuyến khích quần thần khi rảnh rỗi phải chăm đọc sách “trong chỗ kém mà tìm lấy chỗ hơn”² nhưng “học cốt phải rộng rãi, mà đọc sách trọng ở chỗ biết lẽ, đọc đến văn mà rõ được nghĩa thì là được”³. Nghĩa là đọc sách phải biết phân biệt đúng sai, cái nào nên dùng thì dùng cái nào nên bỏ được thì bỏ, còn đọc văn thì

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb. Giáo dục, tr. 1037.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 1010.

³ Sđd, tr. 1011.

phải hiểu được ý người viết muốn nói gì thì đó mới là cái huyền diệu của văn. Những quan niệm đó dần dần giúp cho Thiệu Trị có một tư duy phê bình sâu sắc đối với văn học cổ. Ông đánh giá cao một số sách văn học Trung Quốc. Những điều hay, những việc tốt ông đều cho kê cứu, ghi chép lại để đời sau tiện dùng.

Nhân đọc sách *Thập di ký*⁴ thấy nói sông Hoàng Hà “nghìn năm một lần trong”, còn sách *Khánh Thụy Đồ* nói “năm trăm năm một lần trong”, ông cũng phân vân hỏi quần thần: “Thuyết nào là phải?”⁵. Câu hỏi của vua khiến các đại thần không khỏi lúng túng, vì vậy vua nói tiếp: “Người đời cổ chép ngày, tất phối hợp với can chi, hay là dùng lẻ một can hoặc một chi, có minh văn không? 12 trực (trong âm lịch ngày nào cũng có nói đến trực như trực khai, trực bế, trực bình, trực thành) ở trong lịch, khởi đầu tự đời nào?”⁶. Ông cho rằng các ông vua đời trước không quan trọng về số năm, dẫn đến việc ghi chép có nhiều sai sót “Còn vua tôi như Nghiêu, Thuấn⁷, Vũ⁸, cha con như Văn, Vũ, Chu, cùng một nhà, cùng một đời, có câu nệ gì vào số năm đâu. Danh nghĩa can chi, trong sách *Hán thư*⁹ phần *Luật lịch chí* và sách *Hoài Nam tử*¹⁰ nói rõ rồi, can là gốc, chi là cành, trời lấy số 5 làm hạn định, đất lấy số 6 làm tiết độ, 5 và 6 là chỗ trời đất hợp lại; cùng lấy cả can chi là chính, chỉ lấy có một bên là lấy nghĩa tương giao đó thôi¹¹.

Mặt khác, ông cũng cho rằng các thuyết ở một số sách không nghiệm, chưa rõ ràng và không đáng tin dùng. “Đời gần đây, Trần Thâm Quýnh¹² có đặt ra thể “Lục giáp”, toàn dùng thiên can mà không dùng địa chi. Phép xem bói toán Dã Hạc¹³ lại trọng ở

⁴*Thập di ký* là bộ sách gồm 6 quyển có tên là bộ Kim Quang Minh Huyền của Tri Lễ (960 - 1028) đời nhà Tống.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 1037.

⁶ Sđd, tr. 1037

⁷ Vua Thuấn là một vị vua huyền thoại thời Trung Quốc cổ đại.

⁸ Vua Vũ hay còn gọi là Hạ Vũ (2205 TCN - 2198 TCN) là một vị vua huyền thoại ở Trung Quốc cổ đại.

⁹ *Hán thư*: là một tài liệu lịch sử Trung Quốc cổ đại viết về giai đoạn lịch sử thời Tây Hán từ năm 206 TCN đến năm 25.

¹⁰ *Hoài Nam Tử*: Là bộ sách quan trọng của Đạo giáo Trung Quốc.

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 1038.

¹² Trần Thâm Quýnh: Hiện không rõ.

¹³ Dã Hạc: Hiện không rõ.

địa chi. *Xem ra có chỗ nghiệm, có chỗ không nghiệm, đều không phải là lẽ chính ở trong kinh sử.* 12 trực ở trong quyền lịch còn có thuyết khác như: Hồ Nghiễm nhà Minh đặt ra thế 12 giờ, lấy con chuột làm giờ Tý, con Trâu làm giờ Sửu...”¹⁴, là “những sách tự cổ đến giờ thơ văn ít nói đến, không nên dùng...”

Qua đó chúng ta thấy Thiệu Trị có nhiều tư tưởng khoa học, ông không tin vào những học thuyết dựa chủ yếu vào cảm tính để tạo thành. Với ông cuốn sách làm ra phải rõ ràng về ngày tháng, đúng sai đều phải được xác định lại. Cho nên mặc dù rất thích đọc sách, tìm hiểu các lý thuyết cổ nhưng cách đọc của Thiệu Trị có chọn lọc, những điều gì đúng và có ích cho mục đích sự nghiệp “bình thiên hạ” đều được ông ca ngợi, còn những cái “mập mờ” chưa rõ, cũng như không mang lại lợi ích gì đều bị ông gạt bỏ. Ông thường dùng giáo lý của Nho giáo để giải thích cho suy nghĩ của mình. Ví dụ như “Sách *Luận ngữ* nói: “Tuy cái đạo nhỏ cũng có thể quan sát được. Tuy xét mãi đến nghĩa xa, sợ thành ra câu nệ. Mạnh Tử cũng nói: sách nào cũng tin không bằng không có sách” là nói về những loại sách ấy” ...Người đời xưa học sách cổ rồi ra làm quan, *ngiên cứu kinh điển đến cùng sẽ dùng vào việc đời*”¹⁵.

2. Văn chương cổ “còn nhiều thiếu sót”

Mỗi khi đọc sách ông thường xem rất kỹ lưỡng, xét rõ nguồn gốc rồi so sánh đối chiếu, ông thấy rằng các đế vương ngày xưa, trước tác cũng nhiều, nhưng trong việc ấy có việc nói thực, có việc nói sai, có việc chép không cần thiết, cần phải biện bạch cho rõ như tập *Đồ thuyết* của nhà Minh nhà vua nhận xét rằng cuốn sách *còn nhiều thiếu sót về mặt “Phương quy”* và *nhiều việc phiếm lạm không đáng ghi chép* nhưng vẫn được ghi chép chỉ vì Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ là những bậc đại thánh mà được ghi truyền chứ không có ý nghĩa”¹⁶. Còn sách nhà Thanh cũng ghi chép không đúng như “Cao Tông”¹⁷ nhà Thanh sinh ở cung Ung Hoà, mà thơ mừng thọ của vua Nhân Tông¹⁸ lại chưa rằng sinh ở Đô Phúc đình nơi sơn trang, đến Đạo Quang

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 1038.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 1037

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 385.

¹⁷ *Cao Tông nhà Thanh*: là miếu hiệu của vua Càn Long (1711 - 1799), là con trai thứ tư của Hoàng đế Ung Chính và là vị Hoàng đế thứ 6 của nhà Thanh.

¹⁸ *Vua Nhân Tông*: là miếu hiệu của Gia Khánh Hoàng đế (1760 – 1820), là vị vua thứ 7 của nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc, cai trị từ 1796 – 1820.

đế¹⁹ đánh chính lại cái sai ấy mới biết là đều do thần chưa lắm. Cao Tông, Nhân Tông đều là vua xưa biết trọng văn học, mà còn như thế, huống chi người khác?”²⁰.

Bên cạnh phê bình văn học cổ Trung Quốc, Thiệu Trị cũng giành thời gian nghiên cứu về văn học các triều đại trước của Việt Nam.

Ông cho rằng văn chương các đời Đinh, Lý, Trần, Lê thực chất không có nhiều, phần lớn là do từ thần bổ sung, phụ chú: “Đáng cười thật! Nước Nam ta, các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê, gọi là văn minh, thế mà thơ văn truyền lại đời sau cũng ít; duy có những trước tác của Lê Thánh Tông còn được 1 - 2 phần, tựu trung những bài ấy do bọn từ thần Nguyễn Trục và Vũ Lãm phụ chú và phê bình, gần đến một nửa”²¹.

Không chỉ xem về thơ văn vua còn thường xem tập chép việc cũ của quốc triều, nhân bảo bọn Sử quán Tổng tài là Trương Đăng Quế và Hà Duy Phiên rằng: “Trẫm nghe về triều Hy Tông Hiếu Văn Hoàng đế có bài “Chu trung ca”, há chẳng phải của của Đào Duy Từ làm ra đó ru? Duy Từ được thụ chức Nội tán, tức là chức Tể tướng. Tên quan chức của quốc triều buổi đầu khác với bây giờ. Người làm sách chỉ nên đề theo như cũ mới là chép đúng. Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến và Đào Duy Từ đều gọi là Khai quốc công thần, vì cơ nghiệp của bản triều dẫu từ Thái tổ Gia Du hoàng đế gây nên ở cõi Nam, nhưng đến Thái Tông hiếu triết hoàng đế mới chống cự với dân Bắc, sửa sang nhiều việc, cũng là công khai sáng....Hà Duy Phiên thưa rằng: “Bên sông Cẩm La có tên xã Trường Dục, tức là chỗ đất ấy”. Vua nói: “Sử Lê mà chép tên sứ Ai Lao, là chỗ nào?. Đăng Quế thưa rằng: “một dải đất ở phía Tây Nam Thanh, Nghệ, gần nước Vạn Tượng đều là Ai Lao”. Vua nói: “Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép, phần nhiều cũng không đúng thực”²².

Thậm chí ông còn tra cứu tìm hiểu nguồn gốc của các sách về thi pháp. Một điều mà các ông hoàng trước Thiệu Trị chưa từng chú ý đến. Ông cho rằng sách về âm vận bắt đầu có từ đời nhà Ngụy, nhưng không rõ ràng, về sau các đời nối tiếp đều có bổ sung, mở rộng ra. Đến đời Thanh thì bộ *Vận phủ* đầy đủ và tốt nhất. Mặc dù bộ *Vận*

¹⁹ *Đạo Quang đế*: miếu hiệu là Thanh Tuyên Tông (1782 – 1850) là vị Hoàng đế thứ 8 của nhà Thanh cai trị toàn lãnh thổ Trung Quốc từ năm 1821 – 1850.

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 189.

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 189..

²² Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 352.

phủ nhà Thanh là một bộ sách lớn “thu cả xưa nay vào túi, vét cả lớn bé vào lưới”²³. Nhưng Thiệu Trị vẫn chưa coi đây là đủ, ngược lại ông còn cho quân thân tra cứu, bổ sung vào những chỗ còn sai và thiếu mà không để ý đến dung lượng vốn đã rất lớn (Bộ *Vận phủ* nhà Thanh gồm 106 quyển, với hơn 18.000 tờ) và mất thời gian bao nhiêu. “Kê ra ba trăm bài thơ ở Quốc phong và Nhã tụng trong *Kinh Thi* và thơ Thất ngôn của thể Bách lương (một thể thơ được đề xướng thời Hán Vũ đế, thơ thất ngôn, mỗi câu đều có vần); áp ủ trong lòng thì là chí, phát ra lời nói thì là thơ, đều có âm vận mới được. Trước đời nhà Hán, loại sách Âm vận vẫn chưa có. Sách *Vận thư* bắt đầu có từ thời nhà Ngụy; đến Đường, Tống mới sáng tỏ, đời Minh, Thanh mới rộng thêm, đều gọi là: “Bội văn vận phủ”. Nhưng Trầm từng xem các sách, khảo cứu ở *Tự điển*, thì biết sách *Bội phủ* còn thiếu; trước nhân làm thơ, cũng đã biết rõ việc này”²⁴, “thí dụ đem ngay văn “nhất đông” ra xem, thấy nên thêm nhiều đến hơn 200 chữ, thì chỗ khác có thể biết được. Đó là biên tập chưa kỹ, không phải là không có chỗ đáng bàn, thực là vì thế đấy”²⁵. Vì vậy, ông thường khuyên các quan “Chép sử cốt ở lời gọn mà đủ ý, nên bắt chước sử nhà Minh mà làm, phải mau soạn cho xong, rồi soạn đến sử triều Lê mới được. Vả, làm sử nên lấy chính thống làm trọng, như họ Mạc cướp ngôi mà sử nhà Lê lại chép là chính thống thì không phải là phép làm sử. Đến thời Hậu Lê phần nhiều do tay bày tôi họ Trịnh chép ra, về sự khen chê phải trái tất đã có công bằng cả, muốn làm tín sử truyền cho đời sau, cũng khó đấy!”²⁶.

Chưa dừng lại ở việc tìm hiểu, xem xét và đính chính Thiệu Trị còn ghi chép lại thành “một thiên tổng luận, xét lại tất cả các triều đại bên Trung Quốc, từ ngoại kỷ đến nhà Thanh, thế thứ, quốc hiệu và trị loạn hưng suy, không việc nào là không chép, cho kẻ mới học đọc đến, cũng biết được đại lược, nên in ra nhiều, cấp cho các nhà học của đốc học, giáo huấn, để giúp cho sự học tập”²⁷, “một bộ sách có quan hệ đến cách dạy làm thơ rất lớn”²⁸, sách có ý nghĩa đến hiểu biết của đời sau.

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 882.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 705.

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 883.

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 394.

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập 6, Nxb. Giáo dục, tr. 929

²⁸ *Sđđ*, tr. 1050.

Nhận thức được điều đó không phải những suy nghĩ tầm thường có thể hiểu được. Ông là ông vua tiên bộ trong việc tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá của đời trước để bổ sung cho đời sau. Tuy chưa đánh giá được những nghiên cứu phê bình của Thiệu Trị là đúng hay sai, nhưng theo chúng tôi việc làm của Thiệu Trị là một việc xưa nay hiếm, suy nghĩ của ông giúp cho các nhà làm sách, các nhà biên tập, sử học làm việc nghiêm túc, cẩn thận hơn.

3. Văn chương phải có ý nghĩa và nghệ thuật

Nhà vua thường tâm niệm rằng “ở trong lòng thì là ý, lời nói phát ra thì là thơ”, nhưng thơ như thế nào là hay thì không chỉ đẹp về lời nói, nghệ thuật mà còn phải đẹp về ý nghĩa. Đương thời khi xem xét thơ văn của các bậc cổ nhân ở Trung Quốc, bên cạnh kiểm tra đúng sai ở mỗi việc được ghi chép, ông còn xem xét thi pháp, lời văn rồi cả ý nghĩa ẩn ý trong câu thơ văn nữa.

Thiệu Trị cho rằng thơ làm ra phải có ý nghĩa rèn giữa tính tình, củng cố mối quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè, “đất dày để chở muôn vật, có đức tốt mới phối hợp được đạo trời; lễ trọng tôn kính bề thân phải truy tôn để nối theo lòng hiếu thảo. Thơ Trường Phát ca tụng bà Hữu Nhung để khen Huyền Tổ (tức ông Tiết, tổ nhà Thương) lấy nghĩa là sinh ra nhà Ân Thương; Thơ *Đại Minh* khen ngợi bà Thái Tự sánh với Văn Vương, tích phúc mới sinh ra vua Chu Vũ (tức là Vũ Vương nhà Chu). Các bậc hậu hiền, các bậc vua sáng ngày xưa, noi nghiệp nhà, nối ngôi vua, đều nghĩ đến nguồn gốc của luân thường trời sinh, mới hết được bốn phận của con người làm cho cha mẹ vẻ vang, cốt để tỏ rõ lễ nghi mà giữ mãi lòng hiếu vậy”²⁹. “Từ xưa, khúc Ca nhà Ngu, thiên Nhã nhà Chu, đời sau giữ làm văn khuôn phép; khánh ngọc thiên cầu, bức đồ sông Hà, các đời truyền làm vật báu. Đó đều là đạo ở trong trời đất mà còn mãi về lâu dài”³⁰.

²⁹ Sđd, tr. 145.

³⁰ Sđd, tr. 448.

Còn đối với những loại sách của Đường Minh Hoàng, Đường Văn Hoàng ông cho rằng ý và lời chưa đi liền với nhau “thơ Đường Minh Hoàng³¹ “lời lẽ duy đẹp mà ý chưa trang trọng”, còn thơ Đường Văn Hoàng³² thì “dường như có ý lãnh đạm. Thân làm thiên tử sao lại nói năng như người nhàn tản”. “Duy chỉ có Hà Tông Quyền tuy không có tài làm thơ, nhưng tư chất thông minh, thường học làm thơ, những bài làm ra trong khi tuổi già, hơi biết phép làm thơ, đáng tiếc là không được sống lâu; còn như Hoàng Quýnh, lẫn cả khôi hài, sao đáng cùng nói đến thơ được!”³³. Như vậy ý nghĩa văn chương theo Thiệu Trị là phải trang trọng, nghiêm túc đặc biệt là văn chương của bậc đế vương phải mang ý nghĩa tải đạo.

Không chỉ đánh giá không cao thơ văn của các hoàng đế như Đường Minh Hoàng, Đường Văn Hoàng mà ông còn cho rằng việc ông và các quan văn ứng chế hoạ vần với nhau, rồi ghi chép lại có ý nghĩa hơn việc làm thơ của các ông vua đó “Ta thường sai các quan văn ứng chế, bài nào lấy được thì lần lượt cho chép lại, đề tên sách là *Minh lương hỷ khởi tập*, há chẳng là việc hay ư?”³⁴.

Thiệu Trị thường nói với quần thần những việc không có ý nghĩa thì không nên chép, đặc biệt phải biết chép chắt lọc đừng vì danh tiếng tốt xấu mà chép dài ngắn theo đó. Quan niệm như vậy không có nghĩa là ông muốn hạn định về số việc chép ra mà theo ông làm sách “cốt phải rộng”³⁵, nhưng thêm, bỏ chữ nào đều phải tinh tường và có ý nghĩa. Khi xem tập *Đồ thuyết* của nhà Minh, ông cho rằng nhiều việc ghi chép thừa thải không cần thiết, không đáng để học hỏi “Tập *Đồ thuyết* này là của bọn bề tôi nhà Minh, Trương Cư Chính và Lã Điều Dương làm ra, trên từ Nghiêu, Thuấn, dưới đến các đời, chọn nhặt những điều thiện đáng làm phép được 81 việc, chia làm

³¹ Đường Minh Hoàng khi lễ yết Không Tử, có thơ rằng: “Phu tử hà vi giả? Thê thê nhất đại trung! (Phu tử làm chi vậy? Chu du suốt một đời!) và “Kim khan lưỡng doanh diện, Đương dữ mộng thời đồng” (Nay xem lễ đặt nơi hai cột, Tương như phu tử mộng khi xưa).

³² Đường Văn Hoàng khi chơi cung Thúy Vi, có thơ rằng: “Thu hoài trần tục ngoại, Cao khiếu bạch vân trung” (Ngoài đám bụi trần lòng nhẹ nhõm; Trong lòng mây trắng tiếng cao vang).

³³ Sđd, tr. 371.

³⁴ Sđd, tr. 528 – 529.

³⁵ Sđd, tr. 1050

phần “Thánh triết phương quy”³⁶, điều ác đáng để răn, được 36 việc, chia làm phần “Cuồng ngu phúc triết”³⁷. Thiện, thuộc “dương” là tốt, cho nên dùng số 9×9 , theo số dương, ác, thuộc “âm”, là xấu, cho nên dùng số 6×6 , theo số âm”³⁸. Việc hạn định theo quy luật sẽ khiến cho nhiều việc tốt khác không được ghi. “Trong khi đó các bậc anh quân đời sau có chính sự hay, khuôn phép tốt, rất nhiều việc đáng chép, tỉ như Hán Chương Đế khuyến khích việc nông tang, thận trọng về tuyển cử, đều đủ để làm gương lâu dài, nay hạn định có 99 việc thì còn thiếu sót nhiều. Hay việc chép “Tur Mã Viêm đốt áo cừu để tỏ ra tiết kiệm chẳng qua là giả dối với mọi người, có gì mà thành thực mà dám mạo muội cái danh thánh triết?”³⁹

Những quan niệm đó của ông cho thấy tầm nhận thức về vai trò của văn chương của ông khá lớn. Vì chưa có cơ hội nghiên cứu nhiều nên người viết không dám bàn luận gì thêm, nhưng quả thực qua đó cho ta thấy ông có một cái nhìn về văn học không chỉ theo bề rộng mà còn chú trọng cả chiều sâu. Nghĩa là không chỉ chú trọng về lượng mà còn quan trọng cả về chất của văn chương.

4. “Văn vật nước ta không kém gì Trung Quốc”

Là một ông vua yêu thích đọc sách, Thiệu Trị không chỉ nghiên cứu các sách Đông Tây kim cổ Trung Quốc mà còn rất chăm chú tìm hiểu văn chương trong nước. Ông tự hào cho rằng văn vật nước ta ngang hàng với Trung Quốc: “Ta xem tập thơ của Bắc Triều, có chỗ khen là Nhã tụng về triều thịnh trị. Văn vật ở nước ta không kém gì Trung Quốc”⁴⁰. Đặc biệt ông cho rằng văn chương của Minh Mệnh vượt trội không chỉ đối với văn chương trong nước mà còn là “thánh tổ văn minh muôn đời”⁴¹.

“Đức Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, bậc nhiều tài, chí thánh, thần giúp, trời cho, ấp ủ là đạo đức, phát ra là văn chương. Nhớ lại từ niên hiệu Minh Mệnh năm

³⁶ Khuôn mẫu hay của bậc thánh triết.

³⁷ Vết xe đổ của bọn cuồng ngu.

³⁸ Sdd, tr. 385.

³⁹ Sdd, tr. 385.

⁴⁰ Sdd, tr. 528 – 529.

⁴¹ Sdd, tr. 190.

Đinh Hợi (1827) đến năm Mậu Tuất (1838), về thơ có tập đầu và II, III, IV, V từ năm Canh Thìn (1820) đến năm Canh Dần (1830), về văn có tập đầu, đều đã khắc in, ban hành. Duy từ năm Kỷ Hợi (1839) đến năm Canh Tý (1840), thơ 573 bài; từ năm Tân Mão (1831) đến năm Canh Tý (1840), văn 247 bài cùng là thơ “Thiên Cơ dự triệu” 200 bài, đều đã mở được cái huyền vi của tạo hóa, phát được cái sâu nhiệm của thiên hạ”⁴². Khác với các vị vua trước phần nhiều sai nhờ các quan đại thần soạn thảo giúp hoặc như vua Lý, Trần, Lê nhờ các quan phụ thần làm phê bình hoặc lời chua trong khi đó theo Thiệu Trị, mọi việc làm đều tự bản thân Minh Mệnh “Hoàng khảo là bậc chí thánh trời sinh, thực là một vị vua thông minh, nối sau khi Hoàng tổ ta dẹp yên thiên hạ, sửa sang lễ nhạc, chấn chỉnh giềng mối, mở rộng quy mô về sáng nghiệp và thủ thành. *Phàm các Chỉ dụ, hay các tờ chế, cáo đều làm lấy cả.* Những lúc rỗi việc, xem khắp các sách, lưu ý về văn chương lối cổ lối kim, *một chữ đặt, một lời chua, đều bởi tự nhiên; các đình thần không ai giúp hơn được một chữ nào.* Văn thơ hay rất mực! Thực là ông tổ văn minh của muôn đời! Ngày hôm nay, ta đem những tập văn thơ ấy kính dâng lên bàn thờ, tuy bóng dáng người đã xa cách, nhưng nét chữ viết để lại vẫn còn rục rờ, ta bất giác đau ruột, tay run cảm động thương xót, khóc lẫn ra”⁴³.

Chỉ riêng sáu tập thơ *Ngự chế*, hai tập văn *Ngự chế* cũng đủ đức sáng tỏ cùng các vua cổ được lưu truyền ở Trung Quốc “Kính đọc 6 tập thơ *Ngự chế*, 2 tập văn *Ngự chế*; sang sang những tiếng hay như *Điển, Mô, Huấn, Cao* đời xưa, chói lọi những vết tốt như *Nhã, Tụng* trị bình đời trước. Văn giáo rất mở mang, sĩ phong rất phấn chấn, làm cho thiên hạ được biết nước ta có sự phong phú về sách vở, kinh điển, có nguồn gốc văn chương tính mệnh, đều bởi tự ngài cổ vũ, tác thành cho cả” ...Muôn đời sau coi tới tập *Tiểu bình* (tức *Tiểu bình Lương kỳ nghịch phi phương lược*) đã thuật đủ chăm lo, bộ sách *Chính yếu* (tức *Minh Mệnh chính yếu*) đã để lại phép tắc, đủ thấy công sức của ngài vang tới trời đất”⁴⁴.

Tập *Minh Mệnh chính yếu* ngang với sách *Chu quan* Trung Quốc thậm chí còn hiếm thấy trong sử sách “Đức Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, vận dụng cái

⁴² Sdd, tr. 448.

⁴³ Sdd, tr. 190.

⁴⁴ Sdd, tr. 268.

đức cương kiện của trời, theo tổ, chăm chính, yêu dân, nghĩ mưu rộng, về lập trị, giữ nước, đặt phép bày mối...Võ công thì thấy rõ ở sự dẹp yên, uy thanh lừng lẫy như trong thơ Giang Hán, văn trị thì đặt ra những mục *Chính yếu* (*Minh Mệnh chính yếu* có chia ra nhiều tiết mục), pháp độ rõ rệt như ở sách *Chu quan* (bộ sách chép về quan thuế, chính trị trong thời nhà Chu (Trung Quốc), vì trong *Kinh thư* cũng có một thiên tên là “Chu quan” nên sách *Chu quan* mới gọi là *Chu lễ*). Có thành công cao, có văn chương nhiều, gồm cái tốt của trăm vua đời trước, sáng về kế thuật, thánh về sáng tác, làm khuôn phép cho thiên hạ đời sau... *trong sử sách cũng hiếm nghe*”⁴⁵.

5. Kết luận

Những đánh giá của Thiệu Trị có phần hơi “thiên vị” của một ông vua giàu lòng tự hào về nền văn học nước nhà và còn mang tính chủ quan song trong thời đại đó khi mà nền phê bình chưa mấy phát triển thế nhưng Thiệu Trị đã biết cách so sánh các sự kiện, đối chiếu nội dung giữa các tác phẩm đã là điều đáng trân trọng, hiếm thấy, bổ sung vào những chỗ thiếu trong nền văn học được xem là yếu kém về mặt phê bình. Điều đáng nói ở đây là ông không chỉ nói suông, nhận xét suông mà ông còn minh chứng bằng việc vận dụng các thi pháp đó vào sáng tác của mình. Thiệu Trị là người tiên phong cho trào lưu nghiên cứu thi pháp ở Việt Nam. Những nghiên cứu của ông có ý nghĩa lớn đối với nền lí luận phê bình của văn học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thuận An (1997), *Thần kinh nhị thập cảnh: Thơ vua Thiệu Trị*, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế - Nxb. Thuận Hóa, Huế.
2. Tôn Thất Bình (2006), *Huế - Những giai thoại*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Tìm hiểu kỹ xảo hồi văn liên hoàn trong bài “Vũ Trung sơn thủy” của Thiệu Trị*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Hà Như Chi (?), *Việt Nam thi văn giảng luận: Văn học triều Nguyễn thế kỉ XIX*, Nxb. Tân Việt.

⁴⁵ Sđd, tr. 447.

5. Trần Hữu Duy (1997), *Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb. Giáo dục
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 6, Nxb. Giáo dục
8. Hồ Vĩnh (2000), *Dấu tích văn hoá thời Nguyễn*, Nxb. Thuận Hoá, Huế.